

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NĂNG LƯỢNG VŨNG TÀU**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NĂNG LƯỢNG VŨNG TÀU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VUNG TAU ENERGY ELECTRIC JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502353773

**3. Ngày thành lập:** 11/01/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Lô 2, Đường Ba Tháng Hai, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện                                                                                                                  | 3510(Chính) |
| 2.  | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                  | 3313        |
| 3.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                  | 3314        |
| 4.  | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)<br>(trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính) | 2817        |
| 5.  | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                  | 3311        |
| 6.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                              | 3312        |
| 7.  | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                  | 3319        |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                   | 4321        |
| 9.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                 | 3320        |
| 10. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                         | 4322        |
| 11. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                          | 4329        |
| 12. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                          | 4330        |
| 13. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                              | 2512        |
| 14. | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                                                                          | 2651        |
| 15. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                            | 2592        |
| 16. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu                                                                                 | 7490        |
| 17. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                         | 0810        |
| 18. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                                                 | 8299        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                              |                                                              |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 19. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                          | 4651                                                         |
| 20. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                              | 4659                                                         |
| 21. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                          | 4662                                                         |
| 22. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                   | 2610                                                         |
| 23. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                                                                    | 2750                                                         |
| 24. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                                                                                                  | 2790                                                         |
| 25. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                                                                                               | 2630                                                         |
| 26. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                           | 4652                                                         |
| 27. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                                                                               | 2710                                                         |
| 28. | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                                                                                                                                                          | 2731                                                         |
| 29. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                                                                                                                       | 2732                                                         |
| 30. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                                                                                      | 2733                                                         |
| 31. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                                           | 2640                                                         |
| 32. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                                                                            | 2740                                                         |
| 33. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                               | 2511                                                         |
| 34. | Đại lý, môi giới, đấu giá                                                                                                                                                                                                                    | 4610                                                         |
| 35. | Hoạt động viễn thông khác                                                                                                                                                                                                                    | 6190                                                         |
| 36. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                      | 4759                                                         |
| 37. | Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật                                                                                                                                                                           | 7210                                                         |
| 38. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                               | 7120                                                         |
| 39. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                          | 4390                                                         |
| 40. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                           | 4649                                                         |
| 41. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện. | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 270.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 27.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                                           | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                     | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ HTC | Số 25, phố Nguyễn Khắc Hiếu, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông | 24.300.000 | 243.000.000.000       | 90,000    | 0101536365                                                                                  |         |
|     |                                                       |                                                                                                          | Tổng số           | 24.300.000 | 243.000.000.000       | 90,000    |                                                                                             |         |
|     |                                                       |                                                                                                          |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HAMEK                 | Số nhà 25, ngõ 6, đường Trần Quốc Hoàn , Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 1.350.000  | 13.500.000.000        | 5,000     | 0108087969                                                                                  |         |
|     |                                                       |                                                                                                          | Tổng số           | 1.350.000  | 13.500.000.000        | 5,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                       |                                                                                                          |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | VŨ THỊ HUYỀN ĐỨC                                      | Số 7, ngõ 53 Quan Nhân, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                   | Cổ phần phổ thông | 1.350.000  | 13.500.000.000        | 5,000     | 112368287                                                                                   |         |
|     |                                                       |                                                                                                          | Tổng số           | 1.350.000  | 13.500.000.000        | 5,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                       |                                                                                                          |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VŨ THỊ HUYỀN ĐỨC**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *23/11/1964*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *112368287*

Ngày cấp: *06/02/2007*

Nơi cấp: *CA. Tỉnh Hà Tây*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 7, ngõ 53 Quan Nhân, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 7, ngõ 53 Quan Nhân, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu